

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TX A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HS-ST

Ngày: 16/01/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TX A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thám và ông Trịnh Duy Phước.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân TX A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TX A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tiến Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân TX A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Teo; sinh ngày 22/6/1991 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Tổ I, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị B; bị cáo có vợ là Ngô Duy Tôn Nữ Hạ H và có 1 người con sinh năm 2024; tiền án: Ngày 11/8/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 19 năm tù về tội “Giết người” theo Bản án số: 33/2010/HS-ST ngày 11/8/2010. Ngày 13/02/2022 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo đã chấp hành xong phần án phí và bồi thường thiệt hại về dân sự; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/7/2024 đến ngày 01/8/2024 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Phạm Thế K, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

3. Nguyễn Toàn Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.
4. Mai Duy U, sinh năm 2002; nơi thường trú: Tổ G, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: Thôn E, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.
5. Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1968; địa chỉ Tổ D, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.
6. Phan Thị Lệ N1, sinh năm 1991; nơi thường trú: Tổ F, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.
7. Lê Thị Thanh N2, sinh năm 1984; địa chỉ: 6 V, Tổ F, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.
8. Cao Thanh T2, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.
9. Trịnh Thị Thanh H1, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ F, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt. Chị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.
10. Mai Thị N3, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.
11. Trần Thị H2, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.
12. Nguyễn Thị Thanh T3; sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ C, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.
13. Cao Thị H3, sinh năm 1961; nơi thường trú: Tổ I, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: Số B N, Tổ G, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt. Chị H3 có đơn xin xét xử vắng mặt.
14. Nguyễn Như H4, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.
15. Lâm Thị Kim Á, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt. Chị Á có đơn xin xét xử vắng mặt.
16. Lưu Thị Huyền T4, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ F, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.
17. Lê Thị Kim N4, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn T, xã S, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.
18. Hồ Thị Ngọc G, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn I, huyện C, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.
19. Lê Đình C, sinh năm 1989; địa chỉ: D P, Tổ F, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.
20. Huỳnh Thị N5, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; vắng mặt. Chị N5 có đơn xin xét xử vắng mặt.

21. Bùi Văn P, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ G, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

22. Nguyễn Công D, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn E, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

23. Trịnh Văn P1, sinh năm 1972; địa chỉ: 7 N, Tổ I, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

24. Phạm Thị N6, sinh năm 2001; địa chỉ: 7 N, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

25. Đỗ Xuân T5, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ H, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

26. Trương Duy T6, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực tài chính nhưng vẫn cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao theo hình thức “vay đứng” với lãi suất 548%/năm, “vay ngày” với lãi suất từ 180% đến 240%/năm nhằm thu lợi bất chính. Để thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, khi có người muốn vay tiền, Nguyễn Văn T yêu cầu người vay đưa xem giấy tờ tùy thân như căn cước công dân để xác định danh tính. Sau khi hai bên thỏa thuận với nhau bằng miệng về lãi suất và cách thức trả lãi và gốc, T trực tiếp đưa tiền cho người vay tại nhà T hoặc T chuyển tiền thông qua hệ thống ngân hàng. Khi người vay đồng ý vay, T đặt hai hình thức “vay đứng” và “vay ngày”.

Vay ngày: Số tiền dao động từ 1.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Số tiền này, T chia đều và yêu cầu người vay phải đóng trong khoảng thời gian 30 ngày (Tùy khoản vay, sự thỏa thuận) đã bao gồm cả gốc và lãi, cụ thể: Vay số tiền 2.500.000 đồng thì phải trả 100.000 đồng/ngày trong 30 ngày, thu lãi 500.000 đồng; vay số tiền 5.000.000 đồng thì phải trả 200.000 đồng/ngày trong 30 ngày, thu lãi 1.000.000 đồng; vay số tiền 7.500.000 đồng thì phải trả 300.000 đồng/ngày trong 30 ngày, thu lãi 1.500.000 đồng; vay số tiền 10.000.000 đồng thì phải trả 400.000 đồng/ngày trong 30 ngày, thu lãi 2.000.000 đồng; vay số tiền 12.500.000 đồng thì phải trả 500.000 đồng/ngày trong 30 ngày, thu lãi 2.500.000 đồng; vay số tiền 15.000.000 đồng thì phải trả 600.000 đồng/ngày trong 30 ngày, thu lãi 3.000.000 đồng; vay số tiền 20.000.000 đồng thì phải trả 800.000 đồng/ngày trong 30 ngày, thu lãi 4.000.000 đồng; vay số tiền 25.000.000 đồng thì phải trả 1.000.000 đồng/ngày trong 30 ngày, thu lãi 5.000.000 đồng.

Vay đứng: Vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng tiền lãi; vay số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng tiền lãi; vay số tiền

8.000.000 đồng, mỗi ngày trả 120.000 đồng tiền lãi. Khi nào trả xong tiền gốc thì khoản vay dừng lại. Các bên thỏa thuận thời gian trả 01 tháng là 30 ngày.

Với cách thức như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2023 đến tháng 7 năm 2024, Nguyễn Văn T cho 18 người vay tiền với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính, cụ thể:

1. Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1980, trú tại Thôn C, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Khoản thứ nhất: Vay tiền đúng số tiền gốc 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng tiền lãi, lãi suất 548%/năm, thời gian vay từ ngày 01/01/2024 đến ngày 23/7/2024 thì dừng trả, tổng cộng 202 ngày, còn nợ lại tiền gốc 10.000.000 đồng.

Khoản thứ hai: Vay ngày, vào tháng 01 năm 2024, vay số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày trả 800.000 đồng, lãi suất 240%/năm trong thời gian 30 ngày, đáo hạn 06 lần, khoản vay lần cuối trả được 09 ngày đến ngày 23/7/2024 thì dừng trả.

Khoản thứ ba: Vay tiền ngày, vào tháng 01 năm 2024, vay số tiền 15.000.000 đồng, mỗi ngày trả 600.000 đồng, lãi suất 240%/năm trong thời gian 30 ngày, đáo hạn 6 lần, khoản vay lần cuối trả được 12 ngày đến ngày 23/7/2024 thì dừng trả.

Hình thức thanh toán chuyển khoản, trả tiền mặt tại nhà. Tổng số tiền gốc 255.000.000 đồng, số tiền đã trả là 266.400.000 đồng, thu lãi 74.700.000 đồng. Trong đó: Thu lợi bất chính 69.332.326 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 5.367.674 đồng, Số tiền gốc còn nợ là 33.000.000 đồng.

2. Phạm Thế K, sinh năm 1996, trú tại Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Vay tiền ngày: Ngày 29/6/2024, vay số tiền 25.000.000 đồng, mỗi ngày trả 1.000.000 đồng, lãi suất 240%/năm, trong thời gian 30 ngày, đáo hạn 01 lần, khoản vay lần cuối trả được 06 ngày đến ngày 23/7/2024 thì dừng trả. Hình thức thanh toán trả tiền mặt tại nhà. Tổng số tiền gốc 50.000.000 đồng, số tiền đã trả là 36.000.000 đồng, thu lãi 6.000.000 đồng. Trong đó: Thu lợi bất chính 5.499.000 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 501.000 đồng. Số tiền gốc còn nợ 20.000.000 đồng.

3. Nguyễn Toàn Q, sinh năm 1990, trú tại Tổ B, phường T, thị xã A.

Vay tiền ngày: Ngày 28/6/2024, vay số tiền 2.500.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng, lãi suất 240%/năm, trong thời gian 30 ngày, khoản vay lần cuối trả được 25 ngày đến ngày 23/7/2024 thì dừng trả. Hình thức thanh toán chuyển khoản, trả tiền mặt tại nhà. Tổng số tiền gốc 2.500.000 đồng, số tiền đã trả 2.500.000 đồng, thu lãi 416.667 đồng. Trong đó: Số tiền thu lợi bất chính 381.875 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 34.792 đồng. Số tiền gốc còn nợ 416.667 đồng.

4. Mai Duy U, sinh năm 2002, nơi thường trú: Tổ G, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: Thôn E, xã T, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Khoản thứ nhất: Vay tiền ngày, vào đầu tháng 06/2024, vay số tiền 7.500.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng, lãi suất 240%/năm, trong thời gian 30 ngày, đáo hạn 02 lần, khoản vay lần cuối trả được 03 ngày đến ngày 23/7/2024 thì dừng trả.

Khoản thứ hai: Vay tiền ngày, vào giữa tháng 6/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, trong thời gian 30 ngày, đáo hạn 02 lần, khoản vay lần cuối trả được 09 ngày đến ngày 23/7/2024 thì dừng trả.

Hình thức thanh toán chuyển khoản, trả tiền mặt tại nhà. Tổng số tiền gốc 37.500.000 đồng, số tiền đã trả là 32.700.000đ, thu lãi 5.450.000 đồng. Trong đó: Thu lợi bất chính 4.994.925 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 455.0754 đồng. Số tiền gốc còn nợ là 10.250.000 đồng.

5. Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1968, trú tại Tổ D, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Khoản thứ nhất: Vay tiền ngày, ngày 26/6/2024, vay số tiền 7.500.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng, lãi suất 240%/năm, trong thời gian 30 ngày, đáo hạn 01 lần, khoản vay lần cuối trả được 08 ngày đến ngày 23/7/2024 thì dừng trả.

Khoản thứ hai: Vay tiền ngày, vào ngày 09/7/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, trong thời gian 30 ngày, khoản vay lần cuối trả được 14 ngày đến ngày 23/7/2024 thì dừng trả.

Hình thức thanh toán chuyển khoản, trả tiền mặt tại nhà. Tổng số tiền gốc 20.000.000 đồng, số tiền đã trả là 14.200.000đ, thu lãi 2.366.667 đồng. Trong đó: Thu lợi bất chính 2.169.050 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 197.617 đồng. Số tiền gốc còn nợ là 8.166.667 đồng.

6. Phan Thị Lệ N1, sinh năm 1991, trú tại Tổ D, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Khoản thứ nhất: Vay tiền ngày, đầu năm 2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, lãi suất 240%/năm, trong thời gian 30 ngày, đáo hạn 09 lần, đáo hạn lần cuối ngày 22/7/2024, khoản vay lần cuối trả được 02 ngày đến ngày 23/7/2024 thì dừng trả.

Khoản thứ hai: Vay tiền ngày, khoảng tháng 5/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, lãi suất 240%/năm, trong thời gian 30 ngày, đáo hạn 03 lần, khoản vay lần cuối trả được 09 ngày đến ngày 23/7/2024 thì dừng trả.

Khoản thứ ba: Vay tiền ngày, cũng trong tháng 5/2024, vay khoản thứ ba số tiền 7.500.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng, trong thời gian 30 ngày, đáo hạn 04 lần, khoản vay lần cuối trả được 07 ngày đến ngày 23/7/2024 thì dừng trả.

Hình thức thanh toán chuyển khoản, trả tiền mặt tại nhà. Tổng số tiền gốc 107.500.000 đồng, số tiền đã trả là 112.300.000đ, thu lãi 18.716.667 đồng. Trong đó: Thu lợi bất chính 17.153.825 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.562.842 đồng. Số tiền gốc còn nợ lại 13.916.667 đồng.

7. Lê Thị Thanh N2, sinh năm 1984, trú tại Tổ F, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Khoản thứ nhất: Vay tiền ngày, ngày 22/02/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng, lãi suất 240%/năm, trong thời gian 30 ngày, đáo hạn 07 lần, khoản vay lần cuối trả được 09 ngày đến ngày 23/7/2024 thì dừng trả.

Khoản thứ hai: Vay tiền ngày, ngày 25/02/2024 vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, lãi suất 240%/năm, trong thời gian 30 ngày, đáo hạn 08 lần, khoản vay lần cuối trả được 02 ngày đến ngày 23/7/2024 thì dừng trả.

Hình thức thanh toán chuyển khoản, trả tiền mặt tại nhà. Tổng số tiền gốc 125.000.000 đồng, số tiền đã trả là 136.000.000 đồng, thu lãi 22.666.667 đồng. Trong đó: Thu lợi bất chính 20.774.000 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.892.667 đồng. Số tiền gốc còn nợ lại 11.666.667 đồng.

8. Cao Thanh T2, sinh năm 1983, trú tại Tổ A, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Khoản thứ nhất: Vay tiền ngày, ngày 10/7/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, lãi suất 240%/năm, trong thời gian 30 ngày, khoản vay trả được 13 ngày.

Khoản thứ hai: Vay tiền ngày, ngày 12/7/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, trong thời gian 30 ngày, khoản vay lần cuối trả được 11 ngày thì dừng trả.

Khoản thứ ba: Vay tiền ngày, ngày 14/7/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, trong thời gian 30 ngày, khoản vay lần cuối trả được 09 ngày đến ngày 23/7/2024 thì dừng trả.

Hình thức thanh toán chuyển khoản, trả tiền mặt tại nhà. Tổng số tiền gốc 15.000.000 đồng, số tiền đã trả 6.600.000 đồng thu lãi 1.100.000 đồng. Trong đó: Thu lợi bất chính 1.008.150 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 91.850 đồng. Số tiền gốc còn nợ lại 9.500.000 đồng.

9. Trịnh Thị Thanh H1, sinh năm 1981; địa chỉ: Tổ F, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Khoản thứ nhất: Vay tiền ngày, vào đầu năm 2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, lãi suất 240%/năm, trong thời gian 30 ngày, đáo hạn 09 lần, trả xong.

Khoản thứ hai: Vay tiền ngày, ngày 01/4/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, trong thời gian 30 ngày, đáo hạn 05 lần, khoản vay lần cuối trả được 12 ngày đến ngày 23/7/2024 thì dừng trả.

Hình thức thanh toán chuyển khoản, trả tiền mặt tại nhà. Tổng số tiền gốc 80.000.000 đồng, số tiền đã trả là 92.400.000đ, thu lãi 15.400.000 đồng. Trong đó: Thu lợi bất chính 14.114.100 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.285.900 đồng. Số tiền gốc còn nợ lại 3.000.000 đồng.

10. Mai Thị N3, sinh năm 1984, trú tại Tổ A, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai:

Khoản thứ nhất: Vay tiền đứng, ngày 13/10/2023, vay số tiền 20.000.000 đồng tiền đứng, mỗi ngày trả 300.000 đồng tiền lãi, lãi suất 548%/năm, thời gian vay là 01 tháng, đã trả xong tiền gốc. Số tiền lãi đã thu 9.000.000đ.

Khoản thứ hai: Vay tiền ngày, khoảng tháng 6/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 240%/năm, mỗi ngày trả 400.000 đồng, đáo hạn 02 lần, đã trả xong.

Hình thức thanh toán chuyển khoản, trả tiền mặt tại nhà. Tổng số tiền gốc 50.000.000 đồng, số tiền đã trả là 65.000.000đ, thu lãi 15.000.000 đồng. Trong đó: Thu lợi bất chính 14.005.849 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 994.151 đồng.

11. Trần Thị H2, sinh năm 1976, trú tại Tổ C, phường A, thị xã A.

Vay tiền ngày: Tháng 6/2023, vay số tiền 5.200.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, lãi suất 180%/năm, trong thời gian 30 ngày, đáo hạn 6 lần, đã trả xong. Hình thức thanh toán chuyển khoản, trả tiền mặt tại nhà. Tổng số tiền gốc 36.400.000 đồng, số tiền đã trả là 42.000.000đ, thu lãi 5.600.000 đồng. Trong đó: Thu lợi bất chính 4.992.120 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 607.880 đồng.

12. Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1988, trú tại Tổ C, phường A, thị xã A.

Vay tiền ngày: Đầu tháng 01/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng, lãi suất 240%/năm, trong thời gian 30 ngày, đáo hạn 08 lần, khoản vay lần cuối trả được 07 ngày đến ngày 23/7/2024 thì dừng trả. Hình thức thanh toán chuyển khoản, trả tiền mặt tại nhà. Tổng số tiền gốc 90.000.000 đồng, số tiền đã trả là 98.800.000đ, thu lãi 16.466.667 đồng, Trong đó: Thu lợi bất chính 15.091.700 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 1.374.967 đồng. Số tiền gốc còn nợ là 7.666.667 đồng.

13. Cao Thị H3, sinh năm 1961, nơi thường trú: Tổ I, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: Số B N, Tổ G, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Vay tiền ngày: Đầu năm 2024, vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, lãi suất 240%/năm, trong thời gian 30 ngày, đáo hạn 07 lần, đã trả xong.

Hình thức thanh toán nhờ chuyển khoản, trả tiền mặt tại nhà. Tổng số tiền gốc 45.000.000 đồng, số tiền đã trả 54.000.000đ, thu lãi 9.000.000 đồng. Trong đó: Thu lợi bất chính 8.248.500 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 751.500 đồng.

14. Nguyễn Như H4, sinh năm 1987, trú tại F H, Tổ B, phường T, thị xã A.

Khoản thứ nhất: Vay tiền ngày, cuối tháng 3/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, lãi suất 240%/năm, trong thời gian 30 ngày, đáo hạn 04 lần, đã trả xong.

Khoản thứ hai: Vay tiền ngày, ngày 20/7/2024 vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, trong thời gian 30 ngày, khoản vay lần cuối trả được 04 ngày đến ngày 23/7/2024 thì dừng trả.

Hình thức thanh toán chuyển khoản, trả tiền mặt tại nhà. Tổng số tiền gốc 35.000.000 đồng, số tiền đã trả là 31.600.000 đồng, thu lãi 5.266.667 đồng. Trong đó: Thu lợi bất chính 4.826.900 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 439.767 đồng. Số tiền gốc còn nợ là 8.666.667 đồng.

15. Lâm Thị Kim Á, sinh năm 1978, trú tại Tổ B, phường T, thị xã A.

Vay tiền ngày: Khoảng tháng 3/2024, vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, lãi suất 240%/năm, trong thời gian 30 ngày, đáo hạn 01 lần, đã trả xong. Hình thức thanh toán chuyển khoản, trả tiền mặt tại nhà. Tổng số tiền gốc 10.000.000 đồng, số tiền đã trả 12.000.000 đồng, thu lãi 2.000.000 đồng. Trong đó: Thu lợi bất chính 1.833.000 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 167.000 đồng.

16. Lưu Thị Huyền T4, sinh ngày 21/5/1991, trú tại Tổ F, phường A, thị xã A.

Vay tiền ngày: Đầu năm 2024, vay khoản 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, lãi suất 240%/năm, trong thời gian 30 ngày, đã trả xong. Hình thức thanh toán chuyển khoản, trả tiền mặt tại nhà. Tổng số tiền gốc 5.000.000 đồng, số tiền đã trả là 6.000.000 đồng, thu lãi 1.000.000 đồng. Trong đó: Thu lợi bất chính 916.500 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 83.500 đồng.

17. Lê Thị Kim N4, sinh năm 2003, trú tại thôn T, S, thị xã A.

Khoản vay thứ nhất: Vay tiền ngày, đầu năm 2024, vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, lãi suất 240%/năm, trong thời gian 30 ngày, đáo hạn 04 lần, đã trả xong.

Khoản vay thứ hai: Vay tiền đứng, vào khoảng tháng 4 năm 2024, vay tiền đứng số tiền 8.000.000 đồng, lãi suất 548%/năm, mỗi ngày đóng 120.000 đồng tiền lãi, trong thời gian 02 tháng, đã trả xong.

Hình thức thanh toán chuyển khoản, trả tiền mặt tại nhà. Tổng số tiền gốc 33.000.000 đồng, số tiền đã trả 45.200.000 đồng, thu lãi 12.200.000 đồng. Trong đó: Thu lợi bất chính 11.387.979 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 812.021 đồng.

18. Hồ Thị Ngọc G, sinh năm 1990, trú tại xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Khoản vay thứ nhất: Vay tiền ngày, đầu tháng 01/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, lãi suất 240%/năm, trong thời gian 30 ngày, đáo hạn một lần, đã trả xong.

Khoản vay thứ hai: Vay tiền ngày, khoảng giữa tháng 3/2024, vay số tiền 2.500.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng, trong thời gian 30 ngày, không có đáo hạn, đã trả xong.

Khoản vay thứ ba: Vay tiền ngày, vào giữa tháng 4/2024, vay số tiền 7.500.000 đồng, mỗi ngày trả 300.000 đồng, trong thời gian 30 ngày, không có đáo hạn, đã trả xong.

Khoản vay thứ tư: Vào đầu tháng 5/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng, trong thời gian 30 ngày, không đáo hạn, đã trả xong.

Khoản vay thứ năm: Vay tiền ngày, vào đầu tháng 5/2024 vay số tiền 2.500.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng, trong thời gian 30 ngày, không đáo hạn, đã trả xong.

Hình thức thanh toán chuyển khoản, trả tiền mặt tại nhà. Tổng số tiền gốc 27.500.000 đồng, số tiền đã trả là 33.000.000 đồng, thu lãi 5.500.000 đồng. Trong đó: Thu lợi bất chính 5.040.750 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 459.250 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2023 đến tháng 7 năm 2024, Nguyễn Văn T đã cho 18 người vay tiền, với tổng tiền gốc là 1.024.400.000đ, tổng số tiền người vay đã trả 1.117.000.000đ, tổng số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 17.079.450đ, thu lợi bất chính 201.770.550đ, số tiền gốc người vay còn nợ là 126.250.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A thu giữ các vật chứng gồm:

- Thu giữ khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T: 01 (Một) cuốn sổ kích thước (14,9x10,3) cm, bìa phía trước có hình ảnh cối xay gió và dòng chữ “HONG HA”, bên trong có 12 (mười hai) tờ giấy có ghi nội dung liên quan đến việc cho vay tiền (chuyển theo hồ sơ vụ án).

- Nguyễn Văn T tự nguyện giao nộp: 01 (một) điện thoại di động Iphone 12 Promax màu xanh, số máy MG9E3LL/A; số sê ri: F2LDQBP0D42, số IMEI: 354741660731929. Bên trong lắp thẻ sim số thuê bao 0798711234, số sê ri sim: 8401201112788955.

Tại bản kết luận giám định số 314/KL-KTHS ngày 30/8/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh K kết luận:

Dữ liệu khôi phục, trích xuất của 01 (một) điện thoại di động dạng cảm ứng, Iphone 12 Promax, màu xanh số máy MG9E3LL/A; số sê ri: F2LDQBPM0D42, số IMIM1: 354741660731929, bên trong thân máy có chứa 01 thẻ sim mobifone, số sê ri: 8401201112788955, số thuê bao 0798711234, đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong; từ ngày 01/01/2024 đến ngày 23/7/2024:

- Cuộc gọi: Có 1999 cuộc gọi (Nội dung chi tiết có phụ lục kèm theo).
- Tin nhắn SMS: Kết quả tìm thấy: 503 tin nhắn SMS (Nội dung chi tiết có phụ lục kèm theo).
- Trong ứng dụng Zalo: Kết quả tìm thấy: 2352 tin nhắn Zalo (Nội dung chi tiết có phụ lục kèm theo).
- Trong ứng dụng Messenger: Kết quả tìm thấy: 590 hình ảnh thể hiện nội dung tin nhắn Messenger (Nội dung chi tiết có phụ lục kèm theo).
- Không tìm thấy dữ liệu nội dung tin nhắn trong ứng dụng Viber, T7.

Tại Bản cáo trạng số: 85/CT-VKS ngày 18/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân TX A đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TX A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điều 38; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 08 đến 10 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung:

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ để sung ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động dạng cảm ứng, Iphone 12 Promax, màu xanh số máy MG9E3LL/A; số sê ri: F2LDQBPM0D42, số IMIM1: 354741660731929, đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong; được niêm phong trong phong bì dán kín, mặt trước có chữ “CÔNG AN TỈNH KOM TUM PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ”, số 314/KL-KTHS 30/8/2024, mặt sau tại mép dán có chữ ký ghi họ và tên của Võ Hoàng N7, Phạm Văn C1 và ba hình dấu tròn màu đỏ của phòng K1 công an tỉnh K.

- Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim mobifone, số sê ri: 8401201112788955, số thuê bao 0798711234 được lắp bên trong chiếc điện thoại di động dạng cảm ứng, Iphone 12 Promax nói trên.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền sử dụng vào mục đích cho vay để sung ngân sách Nhà nước là: 1.024.400.000 - 126.250.000đồng (là số tiền gốc mà những người vay chưa trả cho Nguyễn Văn T), còn phải nộp 898.150.000đ.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 17.079.250 để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người vay là 201.770.550đ. Cụ thể: Lê Thị Mỹ L: 69.332.326 đồng;Phạm Thế K: 5.499.000 đồng; Nguyễn Toàn Q: 381.875 đồng; Mai Duy U: 4.994.925 đồng; Đỗ Thị Thu N: 2.169.050 đồng; Phan Thị Lệ N1: 17.153.825 đồng; Lê Thị Thanh N2: 20.774.000 đồng; Cao Thanh T2: 1.008.150 đồng; Trịnh Thị Thanh H1: 14.114.100 đồng; Mai Thị N3: 14.005.849 đồng; Trần Thị H2: 4.992.120 đồng; Nguyễn Thị Thanh T3: 15.091.700 đồng; Cao Thị H3: 8.248.500 đồng;Nguyễn Như H4: 4.826.900 đồng;Lâm Thị Kim Á: 1.833.000 đồng; Lưu Thị Huyền T4: 916.500 đồng; Lê Thị Kim N4: 11.387.979 đồng;Hồ Thị Ngọc G: 5.040.750 đồng.

- Buộc những người vay phải nộp lại số tiền vay gốc chưa trả cho bị cáo Nguyễn Văn T để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là 126.250.000đ. Cụ thể như sau: Lê Thị Mỹ L: 33.000.000 đồng; Phạm Thế K: 20.000.000 đồng; Nguyễn Toàn Q: 416.667 đồng; Mai Duy U: 10.250.000 đồng;Đỗ Thị Thu N: 8.166.667 đồng;Phan Thị Lệ N1: 13.916.667 đồng; Lê Thị Thanh N2: 11.666.667 đồng;Cao Thanh T2: 9.500.000 đồng; Trịnh Thị Thanh H1: 3.000.000 đồng; Nguyễn Thị Thanh T3: 7.666.667 đồng; Nguyễn Như H4: 8.666.667 đồng.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Viện kiểm sát nhân dân TX A, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến kiến nghị hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng

6 năm 2023 đến tháng 7 năm 2024 bị cáo Nguyễn Văn T đã cho 18 người vay tiền với tổng số tiền là 1.024.400.000 đồng, lãi suất từ 180% đến 548%/năm, cao hơn mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự từ 09 đến 27,4 lần, thu lợi bất chính 201.770.550 đồng. Do đó, đã đủ cơ sở tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T đã bị kết án, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý, là trường hợp tái phạm, vì vậy cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, xâm phạm đến lợi ích của công dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Trên cơ sở cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đặc điểm về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ một thời gian để bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành công dân tốt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Xét thấy: 01 (một) điện thoại di động dạng cảm ứng, Iphone 12 Promax, màu xanh sẫm máy MG9E3LL/A; số sê ri: F2LDQBP0D42, số IMEI: 354741660731929, đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong; được niêm phong trong phong bì dán kín, mặt trước có chữ “CÔNG AN TỈNH KOM TUM PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ”, số 314/KL-KTHS 30/8/2024, mặt sau tại mép dán có chữ ký ghi họ và tên của Võ Hoàng N7, Phạm Văn C1 và ba hình dấu tròn màu đỏ của phòng K1 Công an tỉnh K là công cụ phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 thẻ sim mobifone, số sê ri: 8401201112788955, số thuê bao 0798711234 được lắp bên trong chiếc điện thoại di động dạng cảm ứng, Iphone 12 Promax nói trên không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[8] Về biện pháp tư pháp:

Xét thấy cần truy thu sung ngân sách Nhà nước đối với số tiền mà bị cáo Nguyễn Văn T dùng để cho vay; tiền lãi tương ứng với mức lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự; đồng thời buộc bị cáo Nguyễn Văn T trả lại cho người

vay số tiền thu lợi bất chính; buộc những người vay phải nộp số tiền vay gốc còn nợ để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền sử dụng vào mục đích cho vay để sung ngân sách Nhà nước là: 1.024.400.000 đồng - 126.250.000 đồng (là số tiền gốc mà những người vay chưa trả cho Nguyễn Văn T), còn phải nộp 898.150.000đ (tám trăm chín mươi tám mươi triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 17.079.450 để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người vay là 201.770.550đ. Cụ thể: Lê Thị Mỹ L: 69.332.326 đồng; Phạm Thế K: 5.499.000 đồng; Nguyễn Toàn Q: 381.875 đồng; Mai Duy U: 4.994.925 đồng; Đỗ Thị Thu N: 2.169.050 đồng; Phan Thị Lệ N1: 17.153.825 đồng; Lê Thị Thanh N2: 20.774.000 đồng; Cao Thanh T2: 1.008.150 đồng; Trịnh Thị Thanh H1: 14.114.100 đồng; Mai Thị N3: 14.005.849 đồng; Trần Thị H2: 4.992.120 đồng; Nguyễn Thị Thanh T3: 15.091.700 đồng; Cao Thị H3: 8.248.500 đồng; Nguyễn Như H4: 4.826.900 đồng; Lâm Thị Kim Á: 1.833.000 đồng; Lưu Thị Huyền T4: 916.500 đồng; Lê Thị Kim N4: 11.387.979 đồng; Hồ Thị Ngọc G: 5.040.750 đồng.

- Buộc những người vay phải nộp lại số tiền vay gốc chưa trả cho bị cáo Nguyễn Văn T để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là 126.250.000đ. Cụ thể như sau: Lê Thị Mỹ L: 33.000.000 đồng; Phạm Thế K: 20.000.000 đồng; Nguyễn Toàn Q: 416.667 đồng; Mai Duy U: 10.250.000 đồng; Đỗ Thị Thu N: 8.166.667 đồng; Phan Thị Lệ N1: 13.916.667 đồng; Lê Thị Thanh N2: 11.666.667 đồng; Cao Thanh T2: 9.500.000 đồng; Trịnh Thị Thanh H1: 3.000.000 đồng; Nguyễn Thị Thanh T3: 7.666.667 đồng; Nguyễn Như H4: 8.666.667 đồng.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điều 38; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 23 tháng 7 năm 2024.

- Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động dạng cảm ứng, Iphone 12 Promax, màu xanh sẫm máy MG9E3LL/A; số sê ri: F2LDQBPM0D42, số IMEI: 354741660731929, đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong; được niêm phong trong phong bì dán kín, mặt trước có chữ “CÔNG AN TỈNH KOM TUM PHÒNG KỸ THUẬT HÌNH SỰ”, số 314/KL-KTHS 30/8/2024, mặt sau tại mép dán có chữ ký ghi họ và tên của Võ Hoàng N7, Phạm Văn C1 và ba hình dấu tròn màu đỏ của phòng K1 Công an tỉnh K.

- Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim mobifone, số sê ri: 8401201112788955, số thuê bao 0798711234 được lắp bên trong chiếc điện thoại di động dạng cảm ứng, Iphone 12 Promax nói trên.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, vật chứng ngày 29/11/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A và Chi cục Thi hành án dân sự TX A).

4. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền sử dụng vào mục đích cho vay để sung ngân sách Nhà nước là: 1.024.400.000 đồng - 126.250.000 đồng (là số tiền gốc mà những người vay chưa trả cho Nguyễn Văn T), còn phải nộp 898.150.000đ (tám trăm chín mươi tám mươi triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp lại số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của người vay là 17.079.450 để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người vay là 201.770.550đ (Hai trăm lẻ một triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, năm trăm năm mươi đồng). Cụ thể:

+ Trả lại cho Lê Thị Mỹ L: 69.332.326 đồng (Sáu mươi chín triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi sáu đồng);

+ Trả lại cho Phạm Thế K: 5.499.000 đồng (Năm triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng);

+ Trả lại cho Nguyễn Toàn Q: 381.875 đồng (Ba trăm tám mươi một nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng);

+ Trả lại cho Mai Duy U: 4.994.925 đồng (Bốn triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, chín trăm hai mươi lăm đồng);

- + Trả lại cho Đỗ Thị Thu N: 2.169.050 đồng (Hai triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, không trăm năm mươi đồng);
 - + Trả lại cho Phan Thị Lệ N1: 17.153.825 đồng (Mười bảy triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, tám trăm hai mươi lăm đồng);
 - + Trả lại cho Lê Thị Thanh N2: 20.774.000 đồng (Hai mươi triệu, bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng);
 - + Trả lại cho Cao Thanh T2: 1.008.150 đồng (Một triệu, không trăm lẻ tám nghìn, một trăm năm mươi đồng);
 - + Trả lại cho Trịnh Thị Thanh H1: 14.114.100 đồng (Mười bốn triệu, một trăm mười bốn nghìn, một trăm đồng);
 - + Trả lại cho Mai Thị N3: 14.005.849 đồng (Mười bốn triệu, không trăm lẻ năm nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng);
 - + Trả lại cho Trần Thị H2: 4.992.120 đồng (Bốn triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, một trăm hai mươi đồng);
 - + Trả lại cho Nguyễn Thị Thanh T3: 15.091.700 đồng (Mười lăm triệu, không trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm đồng);
 - + Trả lại cho Cao Thị H3: 8.248.500 đồng (Tám triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm đồng);
 - + Trả lại cho Nguyễn Như H4: 4.826.900 đồng (Bốn triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn, chín trăm đồng chẵn);
 - + Trả lại cho Lâm Thị Kim Á: 1.833.000 đồng (Một triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn đồng chẵn);
 - + Trả lại cho Lưu Thị Huyền T4: 916.500 đồng (Chín trăm mười sáu nghìn, năm trăm đồng);
 - + Trả lại cho Lê Thị Kim N4: 11.387.979 đồng (Mười một triệu, ba trăm tám mươi bảy nghìn, chín trăm bảy mươi chín đồng);
 - + Trả lại cho Hồ Thị Ngọc G: 5.040.750 đồng (Năm triệu, không trăm bốn mươi nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).
- Buộc những người vay phải nộp lại số tiền vay gốc chưa trả cho bị cáo Nguyễn Văn T để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là 126.250.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn). Cụ thể như sau:
- + Lê Thị Mỹ L: 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng);
 - + Phạm Thế K: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng);
 - + Nguyễn Toàn Q: 416.667 đồng (Bốn trăm mười sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);
 - + Mai Duy U: 10.250.000 đồng (Mười triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng);
 - + Đỗ Thị Thu N: 8.166.667 đồng (Tám triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);

- + Phan Thị Lệ N1: 13.916.667 đồng (Mười ba triệu, chín trăm mười sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);
- + Lê Thị Thanh N2: 11.666.667 đồng (Mười một triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);
- + Cao Thanh T2: 9.500.000 đồng (Chín triệu, năm trăm nghìn đồng);
- + Trịnh Thị Thanh H1: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng);
- + Nguyễn Thị Thanh T3: 7.666.667 đồng (Bảy triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng);
- + Nguyễn Như H4: 8.666.667 đồng (Tám triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (16/01/2025), bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TX A;
- Công an TX A;
- Chi cục THADS TX A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Tứ Hải

